

Bản án số: 13/2023/DS-ST

Ngày: 17-3-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Ứng Cương

2. Ông Nguyễn Văn Kiện

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sển - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Thông báo mở phiên tòa số 03/2023/TB-TA ngày 01-3-2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* 2.1. Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1983 (vắng mặt)

2.2. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ph trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Nguyên trước đây bà Huỳnh Thị Ph làm đại lý vé số thì vợ chồng bà Huỳnh Thị Đ và ông Nguyễn Văn P có đến lấy vé số của bà đi bán, qua nhiều lần thanh toán vợ chồng bà Đ, ông P còn nợ lại bà Ph như sau: Lần thứ nhất tính đến ngày 30-6-2015 nợ lại bà Ph 10.770.000 đồng. Sau đó vợ chồng bà Đ vẫn tiếp tục lấy vé số của bà Ph đi bán và có trả tiền nhưng tiền nợ cũ thì không trả cho đến lần thứ hai tính đến ngày 21-11-2020 thì vợ chồng bà Đ lại tiếp tục thiếu nợ bà Ph thêm số tiền 3.780.000 đồng. Cả hai lần bà Đ đều ký sổ xác nhận nợ. Tổng cộng vợ chồng

bà Đ, ông P còn nợ bà Ph tiền mua vé số là 14.550.000 đồng. bà Ph đã nhiều lần đòi tiền nhưng vợ chồng bà Đ cứ hẹn lần, hẹn lượt không trả tiền. Nay bà Ph yêu cầu bà Đ và ông P phải trả cho bà số tiền nợ mua vé số là 14.550.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Đ và ông Nguyễn Văn P: Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa bà Đ và ông P vắng mặt.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ph đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Đ và ông Nguyễn Văn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 12-9-2022, bà Huỳnh Thị Ph có đơn khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Đ và ông Nguyễn Văn P trả cho bà số tiền mua vé số là 14.550.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Huỳnh Thị Đ và ông Nguyễn Văn P không có mặt theo Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Thông báo mở phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ph yêu cầu bà Huỳnh Thị Đ và ông Nguyễn Văn P trả cho bà số tiền mua vé số là 14.550.000 đồng, Tòa án nhận thấy: Vợ chồng bà Huỳnh Thị Đ và ông Nguyễn Văn P có mua vé số của bà Huỳnh Thị Ph về bán lại và có nợ bà Ph nhiều lần tổng cộng số tiền 14.550.000 đồng. Xét thấy số tiền 14.550.000 đồng bà Ph kiện bà Đ và ông P tuy chưa được bà Đ và ông P thừa nhận tại Tòa án nhưng căn cứ vào biên nhận do nguyên đơn cung

cấp có nội dung: Ngày 30-6-2015 ông P thiếu bà Ph số tiền 10.770.000 đồng và ngày 25-11-2020 thiếu thêm 3.780.000 đồng đều có chữ viết và chữ ký xác nhận của bà Đ. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập bà Đ và ông P đúng theo quy định pháp luật nhưng bà Đ và ông P không có mặt theo thông báo của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như xác định trách nhiệm của mình đối với khoản nợ nguyên đơn yêu cầu thanh toán hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Như vậy, xem như bà Đ và ông P đã mặc nhiên thừa nhận các tài liệu chứng cứ do bà Ph cung cấp cho Tòa án là hợp lệ. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà Ph là có cơ sở chấp nhận.

[3] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[4] Căn cứ các điều 430, 434, 440 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ph; buộc bà Đ và ông P phải trả cho bà Ph số tiền nợ mua vé số là 14.550.000 đồng.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bà Đ và ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bà Ph như sau: 14.550.000 đồng x 5% = 727.500 đồng.

Bà Huỳnh Thị Ph là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 147, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 430, 434, 440 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ph.

2. Buộc bà Huỳnh Thị Đ và ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Ph số tiền nợ mua vé số là 14.550.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Ph có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Đ và ông P không trả số tiền trên thì còn phải trả cho bà Ph khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Đ và ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ nộp án phí là 727.500 đồng (Bảy trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Bà Huỳnh Thị Ph là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và tiền án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Xuân